

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỨC XƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32 /TB-UBND

Đức Xương, ngày 29 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai tình hình ước thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã năm 2023

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Hướng dẫn số 1005/STC-KHNS ngày 09/5/2017 của Sở Tài chính Hải Dương về hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

UBND xã Đức Xương thông báo công khai tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã năm 2023.

(Kèm theo biểu số liệu và báo cáo thuyết minh)

1. Giao cho công chức văn phòng UBND xã, công chức Tài chính-Kế toán phối hợp với công chức VHXX tổ chức thực hiện.

2. Địa điểm và hình thức công khai:

- Thông báo công khai trên hệ thống đài truyền thanh xã.
- Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc UBND xã.
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã.

3. Thời gian công khai:

Thời gian thông báo và niêm yết công khai: Từ ngày 29/12/2023 đến 29/01/2024.

Vậy, Ủy ban nhân dân xã Đức Xương thông báo công khai tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã năm 2023 để cán bộ, công chức, các ban, ngành đoàn thể, các tổ chức, cá nhân liên quan và toàn thể nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Ban thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Đài truyền thanh xã;
- Lưu VP.



Đỗ Trọng Tuệ

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND xã Đức Xương)

ĐVT: 1.000 Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023	SỐ SÁNH (%)
I	TỔNG SỐ THU	8.471.000	18.156.155	214,33
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	93.000	600.849	646,07
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	4.734.000	1.197.450	25,29
3	Thu chuyển nguồn		837.821	
4	Thu bổ sung	3.644.000	15.520.035	425,91
	- Bổ sung cân đối	3.644.000	3.979.085	109,20
	- Bổ sung có mục tiêu		11.540.950	
II	TỔNG SỐ CHI	8.471.000	17.189.625	202,92
1	Chi đầu tư phát triển	4.500.000	12.656.795	281,26
2	Chi thường xuyên	3.971.000	4.532.830	114,15
3	Dự phòng			

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND xã Đức Xương)

ĐVT: 1,000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	0	8.471.000	0	18.156.155		214,33
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	0	93.000	0	600.849		646,07
	Phí, lệ phí		8.000		14.525		181,56
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		35.000		378.282		1.080,81
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				10.042		
	Thu khác		50.000		198.000		396,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	0	4.734.000	0	1.197.450		25,29
1	Các khoản thu phân chia	0	162.000	0	111.582		68,88
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		16.000		66.232		413,95
	Lệ phí môn bài		6.000		6.200		103,33
	Lệ phí trước bạ nhà đất		140.000		39.150		27,96
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	0	4.572.000	0	1.085.868		23,75
	Thu tiền sử dụng đất		4.500.000		859.950		19,11
	Thuế TNCN		24.000		74.252		309,38
	Thuế VAT		48.000		151.666		315,97
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				837.821		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	3.644.000	0	15.520.035		425,91
	- Thu bổ sung cân đối		3.644.000		3.979.085		109,20
	- Thu bổ sung có mục tiêu				11.540.950		

UBND XÃ ĐỨC XƯƠNG

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023 (Kèm theo Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND xã Đức Xương)

ĐVT: 1.000 Đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	8.471.000	4.500.000	3.971.000	17.189.625	12.656.795	4.532.830	202,92%	281,26%	114,15%
1	Chi dân quân tự vệ, an ninh trật tự	447.352	0	447.352	505.662	0	505.662	113,03%		113,03%
-	Chi dân quân tự vệ	275.200		275.200	274.232		274.232	99,65%		99,65%
-	Chi an ninh trật tự	172.152		172.152	231.430		231.430	134,43%		134,43%
2	Chi sự nghiệp Giáo dục	2.529.961	2.516.761	13.200	7.570.019	7.556.869	13.150	299,21%	300,26%	99,62%
3	Chi sự nghiệp Y tế	14.200		14.200	14.200		14.200	100,00%		100,00%
4	Chi Văn hóa, thông tin	69.100		69.100	69.732		69.732	100,91%		100,91%
5	Chi thể dục, thể thao	12.000		12.000	12.970		12.970	108,08%		108,08%
6	Chi phát thanh, truyền thanh	42.500		42.500	42.812		42.812	100,73%		100,73%
7	Chi sự nghiệp kinh tế	100.900	0	100.900	5.196.122	5.099.926	96.196	5149,77%		95,34%
-	Sự nghiệp giao thông	28.700		28.700	5.127.757	5.099.926	27.831	17866,75%		96,97%
-	SN nông nghiệp, thủy lợi	22.200		22.200	19.505		19.505	87,86%		87,86%
-	Kiến thiết thị chính	0			0					
-	SN môi trường	50.000		50.000	48.860		48.860	97,72%		97,72%
-	SN kinh tế khác	0			0					
8	Chi đảm bảo xã hội	150.620	0	150.620	181.748	0	181.748	120,67%		120,67%
-	Hưu xã và trợ cấp khác	116.620		116.620	127.962		127.962	109,73%		109,73%
-	Chi hỗ trợ cứu tế XH	0			0					
-	Khác	34.000		34.000	53.786		53.786	158,19%		158,19%
9	Chi Quản lý NN, Đảng, Đoàn thể	5.104.367	1.983.239	3.121.128	3.596.360	0	3.596.360	70,46%	0,00%	115,23%
-	Quản lý nhà nước	3.848.131	1.983.239	1.864.892	2.230.445		2.230.445	57,96%	0,00%	119,60%
-	Đảng	482.746		482.746	514.480		514.480	106,57%		106,57%
-	Mặt trận tổ quốc	250.437		250.437	279.618		279.618	111,65%		111,65%
-	Đoàn Thanh niên	137.867		137.867	90.287		163.753	65,49%		118,78%
-	Hội phụ nữ	126.156		126.156	141.430		141.430	112,11%		112,11%
-	Hội Cựu chiến binh	79.874		79.874	72.974		72.974	91,36%		91,36%

ông dân	146.156		146.156	160.660		160.660	109,92%		109,92%
chữ thập đỏ	10.000		10.000	10.000		10.000	100,00%		100,00%
người cao tuổi	8.000		8.000	8.000		8.000	100,00%		100,00%
Khuyến học	10.000		10.000	10.000		10.000	100,00%		100,00%
Người mù	0			0					
Nạn nhân chất độc da cam	0			0					
Cựu thanh niên xung phong	5.000		5.000	5.000		5.000	100,00%		100,00%
khác	0			0					
phòng	0			0					

